| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ VỊ THANH**<br>**TỈNH HẬU GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 111/2018/HNGĐ-ST
Ngày 02-5-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Trinh

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phạm Hoàng Phúc

Ông Nguyễn Thanh Liêm

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đăng Duy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 02 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M.

Địa chỉ: Ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn B.

Địa chỉ: Ấp 6, xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn B kết hôn vào năm 2008, có đăng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B thường uống rượu, không

quan tâm chăm sóc gia đình, thường bạo hành với vợ và con. Bà M và ông B đã ly thân được khoảng 02 năm. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được nữa, nên bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà M yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Bùi Văn Đ, sinh ngày 02/3/2008, hiện cháu Đ đang sinh sống với bà nội cháu. Bà M không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Bùi Văn B tính từ lúc Tòa án thụ lý vụ án đến khi xét xử ông B không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có tranh chấp về việc ly hôn và nuôi con. Tranh chấp này được quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Đối với ông Bùi Văn B mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Cho nên, theo quy định tại Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Văn B.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn B tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vị Tân, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang vào ngày 27/10/2008 nên quan hệ hôn nhân của bà M và ông B là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà M và ông B thường xuyên xảy ra cải vã, nguyên nhân do ông B không chí thú làm ăn, thường sử dụng hành vi bạo lực đối với vợ con nên từ năm 2016 bà M đã ly thân với ông B cho đến nay. Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...."*. Theo đó cho thấy, bà M và ông B đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa bà M vẫn giữ yêu cầu được ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M về việc được ly hôn với ông B.

[3] Về yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà M: Bà M và ông B có 01 con chung tên Bùi Văn Đ, sinh ngày 02/3/2008, cháu Đ sống với bà M từ nhỏ, cho đến năm 2016 chị M và anh B ly thân thì cháu Đ sống với bà nội cháu cho đến nay. Cháu Đ có nguyện vọng được sống với bà M khi bà M và ông B ly hôn. Ngoài ra, hiện tại bà M có nghề nghiệp và thu nhập tương đối ổn định, có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung. Sau khi cân nhắc việc đảm bảo quyền lợi của cháu Đ sau khi cha mẹ ly hôn về các mặt vật chất, tình cảm và điều kiện chăm sóc, giáo dục con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định giao cháu Bùi Văn Đ cho bà M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Ông Bùi Văn B chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung do bà M chưa yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28 và Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ  vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Bùi Văn B.

2. Bà Nguyễn Thị M được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Văn Đ, sinh ngày 02/3/2008 (Giới tính: Nam). Ông Bùi Văn B chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị M chưa yêu cầu. Ông Bùi Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà M được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0012749 ngày 12/02/2018 của Chi cụcThi hành án dân sự thành phố Vị Thanh. Bà M không phải nộp thêm.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
-VKSND TP Vị Thanh;
- THADS TP Vị Thanh;
- Đương sự;
- UBND xã Vị Tân;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(**Đã ký)

**Huỳnh Thị Trinh**